

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường tỉnh An Giang năm 2024

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 8963/BTNMT-MT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1.1. Môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 tương đối tốt, không xảy ra các vấn đề ô nhiễm nổi cộm hoặc các điểm nóng. Kết quả quan trắc cho thấy phần lớn hàm lượng các thông số trong môi trường không khí đều đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Tuy nhiên, cục bộ tại một số vị trí thuộc khu vực đô thị, giao thông, công nghiệp, du lịch bị ô nhiễm nhẹ bởi tiếng ồn và ô nhiễm bụi PM_{10} tại vị trí chợ Châu Đốc do tại thời điểm quan trắc có nhiều phương tiện đang lưu thông. So với năm 2023, chất lượng môi trường không khí xuất hiện ô nhiễm bụi PM_{10} nhưng giảm hàm lượng ô nhiễm tiếng ồn.

1.2. Môi trường nước

Chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 bị ô nhiễm bởi chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, vi sinh. Nguồn nước mặt hiện đa phần chỉ có thể phục vụ cho giao thông thủy, phải qua xử lý trước khi dùng cho sinh hoạt. Cụ thể:

+ Chất lượng môi trường nước nền tại sông Hậu có dấu hiệu ít ô nhiễm hơn nước mặt trên sông Tiền, các tuyến kênh, rạch nội đồng và các hồ, búng.

+ Chất lượng môi trường nước khu vực bị tác động bởi khu đô thị, cụm công nghiệp, khu du lịch, vùng kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao, khu vực nuôi trồng thủy sản có dấu hiệu ít ô nhiễm hơn nước mặt khu vực bị tác động từ du lịch.

So với năm 2023, số lượng vị trí quan trắc có chất lượng nước ở mức ô nhiễm nặng tăng (Năm 2023 có 03 vị trí ở mức ô nhiễm nặng tại 03 đợt quan trắc; Năm 2024 có 04 vị trí ở mức ô nhiễm nặng tại 03 đợt quan trắc).

1.3. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Về di sản thiên nhiên: Trên địa bàn tỉnh có 02 di sản thiên nhiên là các khu bảo vệ cảnh quan đã được thành lập theo quy định, cụ thể:

+ Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư: được thành lập theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với diện tích quy hoạch khoảng 1.050 ha. Hệ sinh thái đa dạng, bao gồm: (1) Chim: 70 loài, trong đó, có 2 loài chim rất quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam là cò lạo Ấn Độ (*Mycteria leucocephala*) và cò cổ rắn hay diêng diêng (*Anhinga melanogaster*); (2) Cá: 23 loài cá; (3) Thực vật: 140 loài.

+ Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyên: được thành lập theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với diện tích khoảng 256,39 ha. Hệ sinh thái đa dạng, bao gồm: (1) Chim: 63 loài; (2) Cá: 82 loài cá. Trong đó, có 02 loài cá xuất hiện thuộc danh mục các loài quý hiếm trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 và Sách Đỏ IUCN 2014, đó là loài cá Hồ (*Catlocarpio siamensis*) và cá Trà sóc (*Probarbus jullieni*); (3) Thực vật: 154 loài, trong đó, có 01 loài thực vật được xếp vào danh mục các loài thực vật cần được bảo tồn ở thứ hạng sẽ nguy cấp (VU) trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 là Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus*).

- Về các vùng đất ngập nước quan trọng:

+ Trên địa bàn tỉnh có 03 vùng với tổng diện tích khoảng 1.806,39 ha theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: (1) Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm: Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư, Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyên, vùng đất ngập nước Búng Bình Thiên¹.

+ Thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP, tỉnh đã giao Sở chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề cương nhiệm vụ - dự toán lập “Báo cáo về các vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh An Giang” để điều tra, đánh giá các vùng đất ngập nước theo quy định. Tuy nhiên quá trình lập, thẩm định, phê duyệt Đề cương nhiệm vụ để triển khai thực hiện gặp nhiều vướng mắc, chủ yếu do một số nội dung công việc/hoạt động cần thiết thực hiện trong Đề cương nhiệm vụ nhưng không có quy định về mức chi; định mức kinh tế - kỹ thuật; phương pháp điều tra, đánh giá,... dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

- Về đa dạng loài: Hiện trên địa bàn tỉnh có 22 loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES và 07 loài động vật rừng thông thường.

¹ Tuy nhiên chưa có thông tin đầy đủ để xác định tiêu chí đáp ứng vùng đất ngập nước quan trọng theo quy định do các vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh chưa được điều tra, đánh giá.

II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

Trong năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang có nhiều khởi sắc và tăng trưởng đáng kể, tạo nên khí thế mới, động lực mới trong tăng trưởng và phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 ước đạt 7,16%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,67%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,73%; khu vực dịch vụ tăng 8,34%; thuế trừ trợ cấp tăng 2,51%. Về cơ cấu kinh tế năm 2024: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 35,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,8%; khu vực dịch vụ chiếm 45,29%; thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm chiếm 3,31%. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Toàn tỉnh đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn với các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn theo VietGAP; hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (thủy sản, trái cây, rau màu, lúa, nếp) gắn với liên kết, tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản, đảm bảo chất lượng và nhu cầu thị trường.

Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,67%, đạt kế hoạch năm 2024. Năm 2024, tỉnh đã triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu hécta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 được 1.117 ha mô hình. Ngoài ra, năm 2024 tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định công nhận 05 xã nông thôn mới, 05 xã nông thôn mới nâng cao, 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu và được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Thoại Sơn là huyện nông thôn mới nâng cao.

2.2. Công nghiệp và xây dựng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành công nghiệp và xây dựng năm 2024 ước tăng 12,73%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10,42% so với cùng kỳ. Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của tỉnh có nhiều khởi sắc, thị trường trong nước và quốc tế mở rộng. Khối lượng sản xuất một số sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 tăng so với cùng kỳ; hạ tầng điện, năng lượng tái tạo được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển.

Hoạt động xây dựng tăng trưởng ổn định, tập trung nguồn lực triển khai nhiều dự án, công trình, trọng điểm của tỉnh như Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng vượt tiến độ so với kế hoạch, Tuyến N1 và các công trình trọng điểm khác của tỉnh.

2.3. Dịch vụ

Năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành dịch vụ ước tăng 8,34%; doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước năm 2024 đạt 228.274 tỷ đồng, tăng 15,31% so năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.220,6 triệu USD, tăng 3,54% so với năm 2023.

Năm 2024, toàn tỉnh đón khoảng 9,1 triệu lượt khách du lịch, tăng 7,06% so với cùng kỳ, trong đó có 25.000 lượt khách quốc tế, tăng 13,64% so cùng kỳ. Tỉnh đã tập trung kích cầu du lịch nội địa, đẩy mạnh xúc tiến đối với các thị trường khách du lịch quốc tế, nhằm điều chỉnh cơ cấu nguồn khách quốc tế của An Giang, hướng đến sự phát triển bền vững.

2.4. Lĩnh vực văn hóa - an sinh xã hội

- *Y tế*: Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được thực hiện tốt, thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị được đảm bảo, chất lượng đội ngũ y tế được nâng cao để chăm sóc sức khỏe người dân và thực hiện công tác giám sát phòng, chống tốt dịch bệnh.

- *Giáo dục và đào tạo*: Hệ thống trường lớp được củng cố về quy mô, đội ngũ được chuẩn hóa, chất lượng giáo dục từng bước phát triển theo định hướng đổi mới, từng bước thu hẹp khoảng cách, đảm bảo công bằng trong tiếp cận, thụ hưởng các điều kiện giáo dục, đáp ứng dần yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xây dựng xã hội học tập.

- *Lĩnh vực lao động*: Toàn tỉnh tập trung thực hiện công tác bảo đảm an sinh xã hội cho người có công với cách mạng, người cao tuổi, các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn,... Công tác giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm được chú trọng đổi mới quy mô, hình thức tổ chức qua các Chương trình tập huấn, truyền thông, tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp với chủ đề “Thực học - Thực hành - Vững khởi nghiệp - Sáng tương lai”.

- *Văn hóa - Thể dục, thể thao*: Trong năm tổ chức tốt các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các sự kiện trọng đại của tỉnh và đất nước, lễ hội truyền thống tại địa phương. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Thể dục, thể thao quần chúng và thành tích cao của tỉnh được quan tâm, phát triển và đạt nhiều kết quả trong năm 2024.

III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

3.1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

- *Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp*: Trên địa bàn tỉnh có 01 khu kinh tế cửa khẩu²; 02 khu công nghiệp và 07 cụm công nghiệp có doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó: 02/02 khu công nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và đưa vào sử dụng; 02/04 khu chức năng đã đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định hiện hành; 07/07 cụm công nghiệp chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuy nhiên, từng dự án có phát sinh nước thải trong cụm công nghiệp đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường hoặc có những dự án phát sinh nước thải rất ít và được doanh nghiệp tận dụng bằng phương pháp tuần hoàn.

² Trong đó có 04 khu chức năng gồm: khu công nghiệp Xuân Tô, khu Thương mại Tịnh Biên, khu Thương mại - Công nghiệp Vĩnh Xương (Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ cửa khẩu Vĩnh Xương) và khu Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1).

- *Đô thị*: Toàn tỉnh có 22 đô thị (01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 12 đô thị loại V), trong đó 02/22 đô thị đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung (thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc).

- *Làng nghề*: Đến năm 2024, trên địa bàn tỉnh An Giang có 29 làng nghề đã được công nhận, trong đó có 14 làng nghề và 15 làng nghề truyền thống. Các làng nghề với quy mô sản xuất nhỏ, phần lớn ở quy mô hộ gia đình, chủ yếu áp dụng các công trình, biện pháp xử lý chất thải tại chỗ nhằm giảm thiểu, hạn chế đến mức thấp nhất khả năng tác động đến môi trường nước, không khí, tiếng ồn và chất thải rắn.

- *Khu, điểm ô nhiễm môi trường*: Đã thực hiện xử lý dứt điểm 18/21 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý hoàn thành 237/264 cơ sở, khu, điểm ô nhiễm môi trường, còn lại 27 cơ sở, khu, điểm ô nhiễm môi trường (trong đó 09³ cơ sở và 18 khu, điểm ô nhiễm môi trường⁴), dự kiến sẽ tiếp tục hoàn thành xử lý đối với 08 cơ sở và 01 khu, điểm ô nhiễm môi trường trong tháng 02 năm 2025.

- *Việc thực hiện quan trắc chất thải tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường*: Tính đến năm 2024, trên địa bàn tỉnh An Giang có 05/29 hệ thống quan trắc phát thải tự động liên tục đã hoàn thành lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Quản lý chất thải và phế liệu

3.2.1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh ước khoảng 1.220 tấn/ngày, trong đó: khu vực đô thị khoảng 680 tấn/ngày (chiếm 55,7%), khu vực nông thôn 540 tấn/ngày (chiếm 44,3%). Tổng khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý khoảng 959,62 tấn/ngày (đạt 78,66%, tăng 1,79% so với năm 2023), trong đó: khu vực đô thị khoảng 631 tấn/ngày, khu vực nông thôn được khoảng 328,62 tấn/ngày.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 Nhà máy xử lý chất thải rắn với tổng công suất 150 tấn/ngày.đêm⁵, 03 khu chôn lấp hợp vệ sinh⁶ và 05 bãi rác không hợp vệ sinh⁷ đang hoạt động.

3.2.2. Quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 366,47 tấn/năm, trong đó: chất thải lây nhiễm là 361,61 tấn/năm, chất thải nguy hại

³ 09 cơ sở: huyện Châu Thành (08 lò gạch) và thị xã Tân Châu (Lò giết mổ Tạ Văn Hậu).

⁴ 18 khu, điểm ô nhiễm môi trường: TP Long Xuyên (12 đoạn sông, kênh, rạch), TP Châu Đốc (02 đoạn kênh, sông, rạch), huyện An Phú (khu vực Bung Bình Thiên Lớn), huyện Tri Tôn (kênh Mắc Cần Dung), huyện Châu Phú (rạch Thạnh Mỹ) và huyện Phú Tân (rạch Thơm Rơm).

⁵ 02 Nhà máy xử lý chất thải rắn: (1) Nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn, công suất 50 tấn/ngày; (2) Nhà máy xử lý chất thải rắn Chợ Mới, công suất 100 tấn/ngày.

⁶ 03 khu chôn lấp hợp vệ sinh: (1) Khu xử lý rác thải xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, (2) Khu xử lý rác thải Kênh 10 - Châu Đốc, (3) Khu xử lý chất thải rắn Phú Thạnh, huyện Phú Tân.

⁷ 05 bãi rác không hợp vệ sinh: Bãi rác An Tức - huyện Tri Tôn, Bãi rác An Cư - huyện Tịnh Biên, Bãi rác Kiên An, Mỹ An, Mỹ Hội Đông - huyện Chợ Mới.

không lây nhiễm là 4,86 tấn. Chất thải y tế nguy hại phát sinh được xử lý hoặc chuyển giao xử lý đúng theo quy định.

- Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại: Trên địa bàn tỉnh hiện có: (1) 02 cơ sở y tế (Trung tâm Y tế huyện Phú Tân, Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới) có lò đốt chất thải rắn y tế đang hoạt động bình thường; (2) 02 Bệnh viện (Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện ĐKKV Tân Châu) đang xử lý chất thải rắn y tế bằng công nghệ không đốt. Riêng Nhà máy xử lý chất thải nguy hại thành phố Long Xuyên tại bãi rác phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang đã ngừng hoạt động kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2022 đến nay; hiện Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang đang thực hiện thủ tục có liên quan để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp xử lý chất thải nguy hại và xử lý bùn thải không nguy hại làm phân bón” tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên thuộc xã Bình Hòa, huyện Châu Thành.

3.2.3. Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh An Giang chưa có cơ sở/doanh nghiệp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, chỉ có các cơ sở/doanh nghiệp nằm ngoài tỉnh làm thủ tục nhập khẩu phế liệu qua cửa khẩu, các cơ sở/doanh nghiệp này không có bố trí kho, bãi để lưu giữ tạm thời, sau khi được thông quan sẽ chuyển ngay về các cơ sở, nhà máy sản xuất nằm trên địa bàn ngoài tỉnh. Qua đó, tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu của các cơ sở, doanh nghiệp ngoài tỉnh làm thủ tục nhập khẩu qua cửa khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang trong năm 2024 là 125.599 tấn, cụ thể:

- Giấy phế liệu: 37.810 tấn.
- Sắt thép phế liệu: 87.789 tấn.

3.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường luôn được quan tâm thực hiện. Công tác quan trắc môi trường được thực hiện đầy đủ, liên tục tại khu vực sông Tiền, sông Hậu, kênh rạch nội đồng, hồ, búng, khu đô thị, khu vực công nghiệp, khu nuôi trồng thủy sản, khu du lịch,... nhằm làm cơ sở cho công tác cảnh báo mức độ ô nhiễm môi trường, nhận diện các vấn đề môi trường cấp bách xảy ra.

- Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Công văn số 1018/UBND-KTN ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong mùa mưa bão năm 2024 và Công văn số 1202/UBND-KTN ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc tăng cường các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí trong thời gian giao mùa trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định, trả kết quả cho 89 hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (trong đó đã cấp Quyết định cho 16 hồ sơ, thông báo chỉnh sửa/trả 73 hồ sơ), hiện đang tiếp tục thẩm định 15 hồ sơ;

tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu nhằm nâng cao nhận thức, nghiệp vụ của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó tại cơ sở cho 200 đại biểu tham dự, trong đó có các Sở, ban, ngành, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

3.4. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

3.4.1. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

Trong năm 2024, tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên tại địa phương, cụ thể: gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo về công tác quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, góp ý dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, góp ý dự thảo văn bản hồ sơ chương trình bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên.

3.4.2. Bảo tồn đa dạng sinh học

- Tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023, trong đó đã tích hợp nội dung Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học làm cơ sở để tổ chức thực hiện.

- Hoàn thành tổ chức 11 lớp tập huấn nhằm tuyên truyền quy định pháp luật về đa dạng sinh học cho hơn 544 hội viên hội phụ nữ của 11 xã, phường, thị trấn tại các khu vực có mức độ đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp Đoàn kiểm tra các Khu bảo tồn thiên nhiên của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học làm việc tại 02 khu bảo vệ cảnh quan (rừng tràm Trà Sư và rừng tràm Tân Tuyến). Trên cơ sở thông báo kết quả kiểm tra của Đoàn, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Công văn số 4023/VPUBND-KTN ngày 06 tháng 8 năm 2024 để chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đa dạng sinh học.

IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

4.1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được thực thi trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Để triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Trung ương, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và địa phương thực hiện rà soát, tham mưu ban hành các chính sách, quy định và các văn bản triển khai quy định của Trung ương thuộc lĩnh vực môi trường, cụ thể:

Trong năm 2024, tỉnh đã ban hành 05 Quyết định⁸, 01 Chương trình⁹, 02 Kế hoạch¹⁰ và 06 văn bản chỉ đạo¹¹.

4.2. Giải quyết thủ tục hành chính

Nhằm đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời cải thiện chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, ngành tài nguyên và môi trường của tỉnh đã thực hiện mô hình “Tăng thêm 30 phút vì người dân, doanh nghiệp” năm 2024, trong đó có thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường.

Công tác thẩm định thủ tục hành chính về môi trường được thực hiện tốt, đặc biệt không để xảy ra hồ sơ trễ hạn. Tổng hồ sơ phải thực hiện là 487 hồ sơ (kỳ trước chuyển sang 29 hồ sơ, nhận mới 458 hồ sơ), trong đó đã trả kết quả trước hạn và đúng hạn 434 hồ sơ, chuyển kỳ sau thực hiện 53 hồ sơ.

4.3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

Tất cả các quy hoạch, kế hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường; những dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đều chú trọng và hướng đến việc phát triển bền vững phải gắn chặt với bảo vệ môi trường; những dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường được tỉnh thực hiện kiểm soát chặt chẽ từ giai đoạn xin chủ trương đầu tư cho đến khi đi vào hoạt động, thông qua thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, theo dõi kết quả quan trắc nguồn thải.

⁸ (1) Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 bãi bỏ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; (2) Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; (3) Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 quy định đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; (4) Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; (5) Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

⁹ Chương trình phối hợp số 404/CTr-UBND ngày 19/4/2024 về bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2026.

¹⁰ (1) Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 11/4/2024 thí điểm xây dựng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (02 mô hình); (2) Kế hoạch số 752/KH-UBND ngày 31/7/2024 phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

¹¹ (1) Công văn số 111/UBND-KTN ngày 25/01/2024 về việc hưởng ứng Ngày Đất ngập nước Thế giới năm 2024; (2) Công văn số 126/UBND-KTN ngày 29/01/2024 về việc đẩy mạnh thực thi pháp luật và tuyên truyền, phổ biến công tác bảo tồn đa dạng sinh học và các loài hoang dã; (3) Công văn số 653/UBND-KTN ngày 21/5/2024 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế đa dạng sinh học năm 2024; (4) Công văn số 676/UBND-KTN ngày 24/5/2024 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05 tháng 6), Tháng hành động vì môi trường năm 2024; (5) Công văn số 1018/UBND-KTN ngày 30/7/2024 về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong mùa mưa bão năm 2024; (6) Công văn số 1202/UBND-KTN ngày 30/8/2024 về việc tăng cường các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí trong thời gian giao mùa trên địa bàn tỉnh.

Công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của chủ đầu tư sau khi phê duyệt và triển khai thực hiện dự án được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm chú trọng công tác phòng ngừa, chấn chỉnh các sai phạm. Qua kết quả thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém, giúp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về môi trường; ngăn chặn kịp thời những tổ chức, cá nhân có hành vi sai phạm trong việc gây ô nhiễm môi trường; tăng cường kỷ cương và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố, ô nhiễm môi trường. Trong năm 2024, ngành tài nguyên và môi trường đã triển khai 89 cuộc kiểm tra về môi trường, qua đó đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đối với 02 trường hợp với số tiền 870.000.000 đồng; lực lượng cảnh sát kinh tế toàn tỉnh phối, kết hợp với các Sở, ban ngành tỉnh trong việc kiểm tra công tác chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và phát hiện 133 vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (161 cá nhân, 04 tổ chức), xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 1.840.725.000 đồng.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh về môi trường được thực hiện tốt. Trong năm 2024, đã tiếp nhận, xử lý 17/17 phản ánh liên quan vấn đề rò rỉ nước thải, chất thải ra môi trường, trong đó: 01 phản ánh qua hệ thống xử lý phản ánh kiến nghị tỉnh An Giang (IOC), 02 phản ánh qua đường dây nóng của Sở Tài nguyên và Môi trường, 02 phản ánh qua đường dây nóng của Cục Kiểm soát ô nhiễm và 12 phản ánh qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

4.4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của người dân, doanh nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, đổi mới tư duy của các cấp, các ngành về công tác bảo vệ môi trường, đã thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền với nhiều hoạt động như:

- Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng:

- + Mở chuyên mục “*Bảo vệ môi trường*” trên Trang thông tin điện tử tuyengiaoangiang, Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh với hơn 20 tin, bài viết, hình ảnh thu hút hàng ngàn lượt xem và chia sẻ; thường xuyên và liên tục tổ chức tuyên truyền, cập nhật, phổ biến các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua các nền tảng mạng xã hội của ngành tuyên giáo như Facebook: “*Dân An Giang*”, “*An Giang ngày mới*”, “*An Giang nghĩa tình*”, Zalo OA: “*An Giang nghĩa tình*”.

- + Thực hiện 01 tiết mục chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường và 01 phóng sự về hiệu quả các hoạt động và mô hình bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch, các điểm tham quan du lịch và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền bằng tài liệu, ấn phẩm truyền thông như: thực hiện in 5.000 cuốn ấn phẩm tuyên truyền bộ tiêu chí bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang; phát khoảng 1.000 cuốn sổ tay hướng dẫn quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho hội viên hội cựu chiến binh và 300 túi thân

thiện với môi trường phục vụ công tác tuyên truyền hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy, các sản phẩm nhựa dùng một lần cho hội viên hội phụ nữ.

- Tuyên truyền thông qua hội thi và hoạt động trực quan khác:

- + Tổ chức Ngày hội sáng tạo trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phòng chống rác thải nhựa cho đoàn viên thanh niên trên địa bàn tỉnh.

- + Duy trì hoạt động của 156 câu lạc bộ Cựu chiến binh bảo vệ môi trường gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” từ nguồn kinh phí vận động xã hội hóa. Thông qua hoạt động của các câu lạc bộ đã tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư tham gia hoạt động bảo vệ môi trường như: thu gom, xử lý khoảng 106,6 tấn rác thải; thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, vệ sinh trên các trục sông, kênh rạch khoảng 216,6 km; trồng 11.600 cây xanh góp phần cải thiện chất lượng môi trường sống xung quanh.

- Tổ chức tập huấn: đã tổ chức 38 hội nghị tập huấn, tuyên truyền quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cho hơn 3.681 lượt người tham dự thuộc nhiều lĩnh vực, đối tượng.

- Tổ chức thực hiện, duy trì 274 mô hình bảo vệ môi trường do Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

- Tổ chức hưởng ứng 04 sự kiện môi trường quan trọng của ngành trên địa bàn tỉnh, thu hút hơn 60.000 lượt người tham gia; qua đó, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và chính quyền địa phương các cấp cùng phối hợp truyền thông công tác bảo vệ môi trường.

V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường

- Quan trắc môi trường: Định kỳ hàng năm, tỉnh đều tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh. Năm 2024, công tác quan trắc được thực hiện tại 86 vị trí, trong đó: (1) Môi trường nước mặt liên tục tại 03 vị trí với tần suất 04 lần/tháng; (2) Môi trường nước mặt định kỳ tại 49 vị trí với tần suất 02 tháng/lần; (2) Môi trường không khí tại 34 vị trí với tần suất 02 tháng/lần. Kết quả quan trắc được thông tin kịp thời đến các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để phục vụ công tác quản lý và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quan trắc tự động, liên tục: Để tăng cường năng lực quản lý, tỉnh đã thực hiện dự án Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang, trong đó: Đầu tư lắp đặt mới 11 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt (trong đó 04 trạm tích hợp quan trắc xâm nhập mặn), 01 trạm quan trắc tự động môi trường không khí; đầu tư nâng cấp 01 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, 01 trạm quan trắc tự động nước thải khu công nghiệp; đầu tư thiết bị

Trung tâm điều hành. Kết quả quan trắc của trạm quan trắc tự động môi trường không khí được công bố trên bảng thông tin điện tử đặt tại trạm quan trắc và tại trụ sở của Sở Tài nguyên và Môi trường để cộng đồng dân cư theo dõi, giám sát.

VI. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

6.1. Nguồn nhân lực

Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường cấp tỉnh năm 2024 như sau: 58 công chức và 281 viên chức, trong đó: công chức có trình độ sau đại học: 20 người (chiếm 52,6%), đại học: 38 người (chiếm 47,3%); viên chức có trình độ sau đại học: 61 người (chiếm 21,7%), đại học: 212 người (chiếm 75,4%), trung cấp: 08 người (2,8%); người lao động có trình độ sau đại học chiếm 3,1%.

6.2. Nguồn lực tài chính

6.2.1. Đối với nguồn vốn đầu tư

Tỉnh đã bố trí nguồn đầu tư công để thực hiện 15 dự án liên quan đến thích ứng biến đổi khí hậu, với tổng số vốn là 467.623 triệu đồng (trong đó: nguồn ngân sách tỉnh là 144.579 triệu đồng, nguồn ngân sách trung ương là 323.044 triệu đồng).

6.2.2. Đối với nguồn vốn sự nghiệp

Năm 2024 theo khả năng cân đối ngân sách, tỉnh đã giao dự toán kinh phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang với tổng số tiền 17.852 triệu đồng, cụ thể:

- Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường số tiền 16.880 triệu đồng, trong đó: chi công tác Điều tra quan trắc và phân tích môi trường số tiền 5.200 triệu đồng, hoạt động xử lý chất thải rắn 400 triệu đồng, ứng phó với biến đổi khí hậu 6.500 triệu đồng, bảo vệ môi trường khác 4.780 triệu đồng.

- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh liên quan bố trí kinh phí thực hiện phối hợp công tác liên tịch bảo vệ môi trường với tổng số tiền 972 triệu đồng (gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 150 triệu đồng, Ban Quản lý Khu kinh tế 84 triệu đồng, Sở Công Thương 40 triệu đồng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 100 triệu đồng, Tỉnh đoàn 86 triệu đồng, Hội Nông dân 150 triệu đồng, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh 60 triệu đồng, Hội Người Cao tuổi 15 triệu đồng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy 130 triệu đồng, Công an tỉnh 117 triệu đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo 40 triệu đồng).

- Đối với các địa phương liên quan bố trí kinh phí thực hiện phối hợp công tác liên tịch bảo vệ môi trường với tổng số tiền 161.732 triệu đồng (gồm: thành phố Long Xuyên 67.036 triệu đồng, thành phố Châu Đốc 19.784 triệu đồng, thị xã Tân Châu 9.700 triệu đồng, huyện Chợ Mới 13.000 triệu đồng, huyện Phú Tân 7.400 triệu đồng, huyện Châu Phú 6.980 triệu đồng, huyện Châu Thành 6.432 triệu đồng, huyện Thoại Sơn 6.000 triệu đồng, huyện Tri Tôn 8.100 triệu đồng, thị xã Tịnh Biên 6.300 triệu đồng, huyện An Phú 11.000 triệu đồng).

VII. Đánh giá chung

7.1. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

7.1.1. Những chuyển biến tích cực

- Kịp thời triển khai các quy định của Trung ương thuộc lĩnh vực môi trường, góp phần hoàn thiện thể chế để từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ các khó khăn để tạo môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với nội dung phong phú, đa dạng về hình thức, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, chuyển biến nhận thức của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường được quan tâm thực hiện; tăng cường kiểm tra trách nhiệm của chủ đầu tư sau khi phê duyệt và triển khai thực hiện dự án; kịp thời công bố cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua quan trắc môi trường.

- Nhiều hoạt động, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường được thực hiện gắn với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần cải tạo cảnh quan, nâng cao chất lượng môi trường sống.

7.1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu cải thiện cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường và chưa đáp ứng tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Tình hình các bãi, khu xử lý rác hiện nay đều quá tải trong khi việc kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác gặp nhiều khó khăn do quy trình thực hiện phức tạp, chưa có chính sách ưu đãi thu hút nhà đầu tư, dẫn đến phải duy trì xử lý rác thải bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, do đó, chưa đảm bảo chỉ tiêu về xử lý rác theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đa số các khu, điểm ô nhiễm môi trường còn lại là các đoạn sông, kênh, rạch trong các khu đô thị, khu dân cư nên việc xử lý cần kinh phí lớn để thực hiện các dự án cải tạo, xử lý ô nhiễm môi trường, trong khi ngân sách các địa phương còn hạn chế; nhiều cơ sở sản xuất, nhà máy tồn tại lâu đời, nằm xen kẽ trong các khu dân cư, nên khi hoạt động sản xuất gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, đời sống cộng đồng.

- Nhận thức, hiểu biết các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn hạn chế; khó khăn trong kinh doanh dẫn đến việc doanh nghiệp chỉ tập trung cho việc đầu tư, duy trì hoạt

động sản xuất mà chưa chú trọng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.2. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường

7.2.1. Phương hướng thực hiện

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Trung ương; triển khai hiệu quả Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường; đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Tranh thủ các nguồn lực tương xứng để đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường song song với đầu tư cho phát triển kinh tế để đảm bảo phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn, trọng tâm là quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

- Kiểm soát, cảnh báo, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; tập trung, tăng cường xử lý ô nhiễm môi trường; kiểm soát và ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học.

- Nâng cao chất lượng quan trắc, giám sát chất lượng môi trường và cảnh báo các sự cố môi trường.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

7.2.2. Giải pháp

- Rà soát, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các thể chế, chính sách của ngành theo quy định và hướng dẫn của Trung ương, đặc biệt là thể chế có liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai nội dung được giao theo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thuộc Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực ngành gắn với việc triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường đồng bộ, thống nhất; tăng cường, đẩy mạnh thanh toán dịch vụ công trực tuyến;

tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình.

- Tranh thủ sự ủng hộ nguồn vốn từ các Bộ, ngành Trung ương và các tổ chức quốc tế để thực hiện các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; công trình xử lý chất thải tập trung, hệ thống xử lý nước thải đô thị, hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh; tiếp tục thực hiện các giải pháp xử lý rác thải sinh hoạt, trước mắt duy trì công tác chôn lấp rác thải hợp vệ sinh tại các khu xử lý rác của tỉnh.

- Giám sát chặt chẽ việc bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, các khu, điểm ô nhiễm môi trường; xử lý dứt điểm các cơ sở, khu điểm ô nhiễm môi trường; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, đẩy lùi tình trạng ô nhiễm, xâm hại môi trường và suy giảm đa dạng sinh học.

- Xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường theo Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc phân loại chất thải tại nguồn; triển khai thực hiện Chương trình phối hợp bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2026.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường các nội dung sau:

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng, hoàn thiện, chia sẻ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia để địa phương khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả, đồng bộ.

- Thống nhất với việc tỉnh An Giang tiếp tục thực hiện xử lý rác thải bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh tại các khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh (trong thời gian kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải).

- Hỗ trợ kinh phí cho tỉnh thực hiện các dự án: đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp, khu đô thị tập trung và xử lý các khu, điểm ô nhiễm môi trường.

- Xem xét, thống nhất các báo cáo về công tác bảo vệ môi trường, chỉ tiêu thống kê về môi trường, bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường và các báo cáo chuyên đề khác,... để tránh trùng lặp nội dung, chỉ tiêu, số liệu.

Trên đây là báo cáo về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin kính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh: CT và các PCT (để b/c);
- Vụ Môi trường;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức